

**CÔNG TY CỔ PHẦN EMERALD FASHION**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN EMERALD FASHION

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EMERALD FASHION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110050620

**3. Ngày thành lập:** 04/07/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 07, ngách 32, ngõ 80 tổ dân phố Hoàng Hanh, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0915880589

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa<br>Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán) | 4610     |
| 2.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                 | 4641     |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ dược phẩm)                                                                                                                | 4649     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                         | 4669     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                  | 8299     |
| 6.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                       | 7410     |
| 7.  | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                         | 4690     |
| 8.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                   | 4719     |
| 9.  | Sản xuất sợi                                                                                                                                                         | 1311     |
| 10. | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                                                                | 1312     |
| 11. | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                                                              | 1313     |
| 12. | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                                                              | 1391     |
| 13. | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                               | 1392     |
| 14. | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                                                             | 1393     |
| 15. | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                                                    | 1394     |

|     |                                                                                                               |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 16. | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                        | 1399        |
| 17. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                | 1410(Chính) |
| 18. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                              | 1420        |
| 19. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                          | 1430        |
| 20. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                 | 1511        |
| 21. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                | 1512        |
| 22. | Sản xuất giày, dép                                                                                            | 1520        |
| 23. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                            | 4791        |
| 24. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                       | 4799        |
| 25. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                               | 4751        |
| 26. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                   | 4753        |
| 27. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                              | 4771        |
| 28. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí) | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                                   | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | TRẦN SINH<br>VIÊN | Thôn Tân Phước,<br>Xã Bình Minh,<br>Huyện Bình Sơn,<br>Tỉnh Quảng Ngãi,<br>Việt Nam                                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 98.000        | 980.000.000              | 98,000       | 212333310                                                                                                              |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Tổng số                            | 98.000        | 980.000.000              | 98,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THỊ<br>HÀ  | Số 38 ngõ 159, Tổ<br>8, đường Quyết<br>Thắng, Phường<br>Yên Nghĩa, Quận<br>Hà Đông, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.000         | 10.000.000               | 1,000        | 0011970239<br>62                                                                                                       |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      | Tổng số                            | 1.000         | 10.000.000               | 1,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                   |                                                                                                                      |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                  |                                                                                                             |                           |       |            |       |              |
|---|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------|------------|-------|--------------|
| 3 | LÊ THỊ BÍCH HẰNG | Số 26 ngõ 1189, Tổ dân phố 2, đường Quang Trung, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.000 | 10.000.000 | 1,000 | 001197024152 |
|   |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                  |                                                                                                             | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                  |                                                                                                             | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0     | 0          | 0,000 |              |
|   |                  |                                                                                                             | Tổng số                   | 1.000 | 10.000.000 | 1,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ THỊ BÍCH HẰNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 12/10/1997

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001197024152

Ngày cấp: 16/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: số 26 ngõ 1189, đường Quang Trung, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: số 26 ngõ 1189, đường Quang Trung, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội